

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Được, bà Đinh Thị Lương Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 15/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Trà G, sinh năm: 1995; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt, có đơn xin vắng).

Bị đơn: Ông Đặng Hải N, sinh năm: 1995; Địa chỉ nơi cư trú: Ấp 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh B (vắng mặt, có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 12 năm 2020 và các bản lời khai nguyên đơn bà Phạm Trà G trình bày:

Bà Phạm Trà G và ông Đặng Hải N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh B. Vợ chồng bà G chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm

sống, ông N không quan tâm chăm sóc vợ con. Bà G, ông N đã ly thân từ năm 2020.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà G yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Hải N.

- Về con chung: Bà G yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Đặng Xuân P, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2019 và cháu Đặng Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2020. Bà G không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 5 năm 2021 bị đơn ông Đặng Hải N trình bày: Ông N và bà Phạm Trà G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh B. Ông N và bà G chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp, xung khắc gia đình. Nay bà G yêu cầu ly hôn thì ông N không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn yêu thương vợ con. Ông N mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ để cùng chăm sóc con cái.

- Về con chung: Ông N và bà G có 02 con chung là cháu Đặng Xuân P, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2019 và cháu Đặng Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2020. Hiện ông N đang chấp hành án tù tại Trại giam An Phước nên không có điều kiện nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án không có vi phạm về thủ tục tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G, cho bà G được ly hôn với ông N. Về con chung: Cháu P, cháu Đ còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần giao con cho bà G chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đặng Hải N. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông N có

nơi cư trú tại Ấp 6, xã T, thành phố Đ, tỉnh B, căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bà G, ông N. Bà G, ông N đã có lời khai, có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà G, ông N theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2017, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh B, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 91/2017 ngày 28 tháng 9 năm 2017. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của bà G, ông N là hợp pháp. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà G là có căn cứ.

Xét tình trạng hôn nhân của bà G và ông N: Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà G đều yêu cầu được ly hôn với ông N vì mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 06 tháng 5 năm 2021, Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Đ cũng xác định tình trạng hôn nhân của bà G, ông N là trầm trọng, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau nhưng bà G, ông N đã ly thân, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau. Hơn nữa, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai người có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của bà G và ông N là rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà G.

- Về con chung:

Xét điều kiện nuôi con của bà G: Bà G là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phúc, cháu Đức. Bà G có nhà và đang làm công nhân, thu nhập ổn định hàng tháng của bà là 7.000.000 đồng. Như vậy, về điều kiện nuôi con thì bà G có đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu P, cháu Đ, đảm bảo cho cháu có cuộc sống tốt nhất về mọi mặt. Cháu P, cháu Đ còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.”. Vì vậy, yêu cầu nuôi con của bà G được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà G, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài về nội dung vụ án là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 48, 147, 227, 228, 244, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trà G về việc “Ly hôn”. Bà Phạm Trà G được ly hôn với ông Đặng Hải N (*đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số: 91/2017 do Ủy ban nhân dân xã T, thị xã Đ, tỉnh B cấp ngày 28 tháng 9 năm 2017*).

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Trà G về việc nuôi con. Giao cháu Đặng Xuân P, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2019 và cháu Đặng Minh Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2020 cho bà Phạm Trà G chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đặng Hải N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà G, ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Trà G phải chịu là: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) mà bà G đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0026004, quyền số: 000521 ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ. Bà Phạm Trà G đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Trà G, ông Đặng Hải N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CCTHADS TP Đồng Xoài;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Ngô Ngọc Linh